

Bản án số: 52/2021/DS - PT
Ngày: 20/7/2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Liên
- **Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Minh Lý
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện PB bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐPT ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc Th – Sinh năm 1956

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (đã chết ngày 04/4/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

- Bà Dương Thị T1, sinh năm 1961 (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã X, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Xóm K xã X, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 8, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm Ng, xã M, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Ch, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm K, xã X, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của chị Y, H, S, Ng, Q: Bà Dương Thị T1, sinh năm 1961 (có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã X, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm K, xã X huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hoàng Thanh Q1,
Luật sư – Văn Phòng luật sư QT thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị B (vợ ông T) (có mặt)

Địa chỉ: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã x, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Khắc Th trình bày:

Gia đình bố mẹ đẻ ông khai hoang mảnh đất hiện nay ông và ông T đang sử dụng từ năm 1969. Năm 1983 ông Th được bố mẹ đẻ cho không có văn bản giấy tờ, đến năm 1993 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất là thửa đất số 293, tờ bản đồ số 7 – bản đồ địa chính xã X, đến năm 2002 gia đình ông Th được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 gia đình ông được cấp thửa 293 tờ bản đồ số 7 – Bản đồ địa chính xã X diện tích 300m² đất thổ cư và thửa số 1323 diện tích 3.456 m² đất vườn. Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Khắc T là em trai ruột của ông Th sinh sống ở liền kề đã tự ý xây tường rào, trồng cây lâu năm và hoa màu lên đất vườn của gia đình ông Th diện tích khoảng hơn 224m² tại thửa 1323, ông Th có sang bảo nhưng ông T vẫn cố tình lấn chiếm. Ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả 224m² diện tích đất vườn tại thửa 1323, tờ bản đồ số 7 – bản đồ địa chính xã X và buộc gia đình ông T phải dỡ bỏ tường rào đã xây và thu hoạch toàn bộ cây cối trên diện tích đất. Ngoài ra, ông Th còn yêu cầu ông T trả lại cho gia đình ông phần diện tích lối đi khoảng 12m².

Bị đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày: Ông và ông Nguyễn Khắc Th là anh em ruột sống liền kề nhau, vào năm 1969 bố mẹ ông là ông Ngô Khắc Q2 và bà Dương Thị Th1 đã khai hoang được diện tích đất, sau đó cho gia đình ông và gia đình ông Th đang ở hiện nay. Đến năm 1993 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2002, gia đình ông được cấp đổi lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 292, diện tích 300m² đất thổ cư và thửa 1322, diện tích 1.421m² đất vườn, đều thuộc tờ bản đồ số 7 – Bản đồ địa chính xã X. Nguồn gốc các thửa đất trên đều là do bố mẹ để cho, trên đất có trồng một số cây ăn quả, nay ông Th cho rằng ông xây tường rào, trồng cây lán chiếm diện tích hơn 224m² đất vườn ở thửa 1323 của ông Th là không đúng. Ông xác định ông đã xây tường đúng ranh giới khi được bố mẹ cho có anh em ruột trong gia đình và làng xóm liền kề xác nhận, từ khi được bố mẹ cho đến nay hiện trạng vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi, nay ông Th yêu cầu ông trả lại diện tích 224m² đất vườn ông không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T1 trình bày: Bà hoàn toàn nhất trí với lời khai và quan điểm trước đây của chồng bà là ông Nguyễn Khắc Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà cũng thống nhất với lời khai và quan điểm với chồng bà là ông Nguyễn Khắc T

Vụ án thụ lý giải quyết năm 2013, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2014/DSST ngày 26/9/2014, Tòa án nhân dân huyện PB Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Nguyễn Khắc Th

- Buộc hộ ông Nguyễn Khắc T phải phá bỏ tường rào đã xây ngăn cách giữa ao của hộ ông Th với thửa đất 292 của hộ ông T, để trả lại cho hộ ông Th số diện tích là: 224,2 m² (theo bản trích đo hiện trạng do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường đo vẽ tháng 7/2014). Đường ranh giới thửa đất theo bản đồ địa chính nói trên có điểm đầu “Từ điểm A đến B theo sơ đồ: điểm A (M9) từ góc sau nhà ông Th kéo thẳng ngang qua đường đi vào nhà ông T, tiếp tục kéo thẳng đến cây xoan trên bờ ao (điểm B)”.

- Phần đường đi vào hộ ông T có diện tích 47,7 m² thuộc quyền sử dụng của ông Th đã được cấp GCNQSD đất. Nay hộ ông T nếu có nhu cầu sử dụng thì phải có nghĩa vụ đền bù cho hộ ông Th giá trị số diện tích đất đường đi nói trên.

Không đồng ý với quyết định của Bản án dân sự số 07/2014/DSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện PB, ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên cũng có quyết định kháng nghị số 05/2014/QĐ – DS ngày 22/10/2014 do bản án có sự vi phạm về cả thủ tục tố tụng và nội dung.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2015/DSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và áp dụng pháp luật trong đường lối giải quyết vụ án chưa đúng, tuyên bản án không rõ ràng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, không

định giá tài sản tranh chấp là vi phạm về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ để thu án phí có giá ngạch với đương sự. Do đó, bản án phúc thẩm đã Quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2014/DSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện PB để giải quyết lại theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân huyện PB đã thụ lý lại vụ án. Trong quá trình giải quyết lại vụ án ông Th đã ủy quyền cho ông Nguyễn Viết T2 tham gia giải quyết toàn bộ vụ kiện, ông T2 được ủy quyền quá trình giải quyết và tại phiên tòa chỉ yêu cầu giải quyết phần diện tích đất vườn có tranh chấp, theo kết quả đo đạc là 214,6m² đất vườn tại thửa 1323, tờ bản đồ số 7 – bản đồ địa chính xã X buộc gia đình ông T phải dỡ bỏ tường rào đã xây và thu hoạch toàn bộ cây cối trên diện tích đất, trả lại cho gia đình ông Th diện tích đất 214,6 m² có vị trí phía đông giáp đất ruộng có chiều dài 15,59m, phía Bắc giáp đất nhà ông T dài 27,14m, phía Nam giáp ao nhà ông Th và phía Tây giáp đất nhà ông T. Còn phần diện tích đất lối đi trước đây yêu cầu thì nay ông rút yêu cầu này không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Dương Thị T1 nhất trí với ý kiến của ông Th và ông T2.

Bị đơn là ông Nguyễn Khắc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên lời khai như trên, cho rằng không lấn chiếm đất của ông Th nên không nhất trí trả 214,6m² đất và dỡ bỏ tường rào, thu hoạch cây cối trên đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hoàng Thanh Q quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có quan điểm nhất trí với ý kiến của ông T, bà B. Gia đình nhà ông T, bà B đã khai thác, sử dụng diện tích đất tranh chấp đó đã lâu, nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ cho và hai bên đều được UBND huyện PB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của gia đình ông Tâm để giải quyết vụ án cho phù hợp.

Tại Bản án sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện PB đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 174, 256, 265, 266 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 12, 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc Th
2. Buộc hộ ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Nguyễn Khắc Th và bà Dương Thị T1 214,6m² đất vườn tại thửa số 1323 tờ bản đồ địa chính số 7 thuộc xã X, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên có ký hiệu ABCDEFG vị trí cụ thể như sau: Phía đông giáp đất ruộng có chiều dài 15,59m, phía Bắc giáp đất nhà ông T dài 27,14m, phía Nam giáp ao nhà ông Th và phía Tây giáp đất nhà ông T (có sơ đồ kèm theo).
3. Kiến nghị UBND huyện PB chỉnh lý tách thửa tại bản đồ địa chính số 7 xã X cho phù hợp với sổ thửa và diện tích đối với thửa đất số 1323 và 1322 của hộ ông Nguyễn Khắc Th và ông Nguyễn Khắc T đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00180/QSDĐ và 00181/QSDĐ mà UBND huyện PB đã cấp ngày 27/12/2002 cho hai hộ.
4. Buộc ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị B phải tháo dỡ 01 tường rào xây gạch chỉ dài 27,04m tường 110 có tổng khối lượng 7,13m³ và có trách nhiệm thu hoạch 01 cây sấu, 01 cây mít, 05 cây vải thiều, 95 cây chuối lá.
5. Về án phí: Ông Nguyễn Khắc T phải nộp 1.447.957đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Hoàn lại cho cho Nguyễn Khắc Th 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 001056 ngày 13/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2017, bị đơn là ông Nguyễn Khắc T có Đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm xét xử buộc ông trả lại đất cho ông Th vì nguồn gốc đất của hai anh em đều được bố mẹ để cho đã xây tường rào không có sự tranh chấp, ông đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại cho ông. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để khắc phục sai phạm, giám định tuổi đời 02 cây sấu và mít. Thu thập biên bản hòa giải thành công do UBND xã X lưu giữ ông Th rút đơn không khiếu kiện nữa.

Đưa ông Th đi giám định Bệnh viện tâm thần để xác định còn năng lực hành vi dân sự hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T rút phần kháng cáo đưa ông Th đi giám định vì ông Th đã chết, thay đổi 1 phần nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th là bà Dương Thị T1 trình bày: Bà kết hôn với ông Th năm 1983, sau khi kết hôn bà được gia đình nhà chồng cho diện tích đất hiện nay. Ông T là em trai ông Th cũng được bố mẹ cho diện tích đất ở liền kề, hai anh em sử dụng từ đó không có sự tranh chấp. Trong quá trình sử dụng cụ Th1 là mẹ chồng có mượn của vợ chồng bà diện tích đất tranh chấp hiện nay nhưng không trả lại, do đó; năm 2013 ông T lấn chiếm đất của gia đình nhà bà sử dụng, bà không rõ phần lấn chiếm ở thửa đất nào nhưng ở phần ông T đã làm vườn trồng cây và đã xây tường rào năm 2011, khi ông T trồng cây và xây tường rào thì bà không làm đơn trình báo chính quyền địa phương vì là anh em ruột nên chỉ nhắc nhở bằng miệng, đến năm 2013 do mâu thuẫn nên chồng bà khởi kiện đòi lại đất. Còn phía ông T thì trình bày: Ông và ông Th là hai anh em ruột đều được bố mẹ cho đất để làm nhà ở, mẹ ông ở với ông cho đến năm 2009 thì mẹ ông chết, khi được bố mẹ cho đất hai anh em sử dụng ổn định, đến năm 1997 do mâu thuẫn giữa các nàng dâu nên ông Th rào đường đi của gia đình ông và khởi kiện ông ra Tòa án. Tại quyết định của Tòa án huyện PB xác định có đường đi của gia đình ông. Sau khi có quyết định của Tòa án hai anh em ông tiếp tục sử dụng diện tích đất như hiện nay, đến năm 2013 ông Th lại tiếp tục làm đơn khởi kiện đường đi, ông tìm được quyết định nên ông Th rút đơn khởi kiện nhưng lại kiện ông lấn chiếm 214m² đất trong khi đất ông vẫn sử dụng từ trước đến nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy: Về nguồn gốc cả hai thửa đất mà ông Thả và ông Tâm đang sử dụng các đương sự đều xác định của ông Ngô Khắc Q và bà Dương Thị Th1 là cha mẹ đẻ của hai ông tặng cho, vị trí hiện trạng sử dụng đất vẫn giữ nguyên, năm 1993 hai ông đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư, đến năm 2002 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 ông Th được cấp 300m² đất thổ cư thửa 292 và thửa 1323 đất vườn, ông T được cấp 300m² đất thổ cư thửa 293 và đất vườn tại thửa 1322. Theo bản đồ địa chính không có thửa 1322 và 1323 đã cấp cho hai ông. Trong quá trình sử dụng đất đến năm 1997 ông Th là anh trai ông T rào đường đi của

gia đình ông T nên xảy ra tranh chấp. Tại quyết định số 03 ngày 22/9/1997 (BL 173, 174) của Tòa án huyện PB công nhận thỏa thuận có đường đi. Năm 2013 ông Th tiếp tục khởi kiện ông T lấn chiếm đất của gia đình ông Th, lý do ông Th khởi kiện ông T vì căn cứ vào bản đồ địa chính đo vẽ diện tích đất ông T đang sử dụng thuộc thửa đất 1323 của gia đình ông. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T tháo dỡ tường rào thu hoạch cây cối trả lại 214,6 m² đất tại thửa 1323 cho ông Th, ông T không nhất trí kháng cáo toàn bộ bản án.

Xét kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào biên bản xác minh (BL số 238) tại Ủy ban nhân dân xã X thể hiện theo bản đồ địa chính thiết lập 1995 không có thửa 1323 mang tên ông Th.

Căn cứ vào bản trích đo hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm (BL số 343) cũng không có thửa 1323 như bản án sơ thẩm xác định.

Căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 21/10/2014, gồm các anh chị em ruột của ông Th và ông T xác định đất của ông Th và ông T đều được bố mẹ để cho, ranh giới giữa hai thửa đất của hai ông được ông Th xây tường rào từ năm 1996 và ông T xây tường rào năm 2010 là đúng theo ý chí của bố mẹ phân chia. Hiện tại hai ông đang sử dụng đúng ranh giới. (BL 120, 122).

Căn cứ vào lời trình bày của ông Th tại Tòa án ông Th khai; Nguồn gốc thửa đất ông và ông T sử dụng là do mẹ đẻ ông cho; Về diện tích đất tranh chấp nằm trong 1 phần thửa đất ông được cho, trước năm 2011 mẹ đẻ ông ở với ông T mượn ông sử dụng để trồng rau nhưng không có văn bản giấy tờ cho mẹ mượn đất, sau khi mẹ ông chết thì ông T sử dụng (BL số 234). Như vậy lời khai của ông Th cũng xác định từ khi mẹ ông còn sống thì mẹ ông sử dụng, sau khi mẹ ông chết thì ông T sử dụng do đó ông T và anh chị em trong gia đình xác định diện tích đất tranh chấp là của ông T là đúng.

Căn cứ vào lời trình bày của các hộ liên kề với nhà ông Th và ông T cũng xác định danh giới giữa hai ông đúng như hiện trạng đang sử dụng (BL 122, 123)

Với các căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông T tháo dỡ tường rào thu hoạch cây cối trả lại 214,6 m² đất tại thửa 1323 cho ông Th là không có căn cứ, cần chấp nhận kháng cáo của ông T, bác đơn khởi kiện của ông Th và người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th đòi ông T trả lại 214,6m² đất là có tình, có lý và phù hợp với pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông T, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận kháng cáo của ông T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện PB bác đơn khởi kiện của ông Th là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện PB

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc Th, người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th là bà Dương Thị T về việc kiện đòi ông Nguyễn Khắc T phải trả lại 214,6 m² đất.

2. Về án phí:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Th, người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th là bà Dương Thị T, trả lại ông Th 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001056 ngày 13/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB cho người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th là bà Dương Thị T nhận.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại ông T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000282 ngày 05/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- THADS huyện PB
- TAND huyện PB
- Các đương sự
- Lưu HSVA;
- Lưu Tòa DS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Liên

